TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2017/HNGĐ- ST
Ngày 29 - 9 - 2017
V/v "Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Thu Ba**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**
2. Ông **Huỳnh Trung Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về "Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Thu H -** Sinh năm: 1990. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Hoàng Công S** – Sinh năm 1987. Có mặt.

Cùng trú tại: Số K534/H09/3 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng N – Chi nhánh H – phòng giao dịch H – Trụ sở tại: 41 P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền bà **Lê Thị Thanh T** – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Hòa Cường. Theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2017. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Công S kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại K534/H09/3 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, anh S không có trách nhiệm với gia đình, thêm vào đó mâu thuẫn giữa chị H và mẹ anh S làm cho mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng hơn, từ khi anh S đi làm cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì nhau. Nay chị H cho rằng chị không còn yêu thương gi anh S nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Thu H xác định vợ chồng có một con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/02/2013.

Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến tuổi thành niên và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ/tháng thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Thu H xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 547537 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/6/2013 cho anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H. Theo chứng thư thẩm định giá số 39/2017/CT-DVIC vào thời điểm tháng 8 năm 2017 Công ty thẩm định giá Đà Nẵng thì tổng giá trị nhà và đất với số tiền là 950.400.000đ (Chín trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 786.480.000đ và công trình xây dựng là 163.920.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị thẩm định giá tài sản nhà và đất nói trên và chị đề nghị Tòa án chỉ định đơn vị thẩm định giá.

Nhà và đất trên đã thế chấp cho Ngân hàng N – phòng giao dịch Hg theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001 – LCL -2014 ngày 07/11/2014.

Ly hôn chị H có nguyện vọng được sử dụng nhà và đất tại địa chỉ nói trên và thối trả giá trị chênh lệch tài sản cho anh Hoàng Công S 50% giá trị nhà và đất với số tiền là 475.200.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định hiện nay vợ chồng có nợ của Ngân hàng N – phòng giao dịch H tính đến ngày 14/8/2017 với số tiền là 82.326.000đ (Tám mươi hai triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng) theo hợp đồng

tín dụng số 2001-LAV201501289 ngày 14/9/2015 giữa Ngân hàng N – phòng giao dịch H với anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H.

Chị H đề nghị chị và anh S mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng 50% số nợ với số tiền là 41.153.000đ (Bốn mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng y).

Đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh S có nợ vợ chồng chị số vàng là 5,4 cây vàng tương đương số tiền là 184.000.000đ chị H rút yêu cầu buộc bà D phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ trên và không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

*** Tại bản khai anh Hoàng Công S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn là đúng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại K534/H09/3 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Anh S cho rằng vợ chồng sống không hợp nhau và đã ly thân được hơn một năm, nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S thì anh S cũng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ly hôn anh S thống nhất giáo con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2013 cho chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến tuổi thành niên, tại phiên tòa anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đ/tháng thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh S thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 547537 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/6/2013 cho anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H. Theo chứng thư thẩm định giá số 39/2017/CT-DVIC vào thời điểm tháng 8 năm 2017 của Công ty thẩm định giá Đà Nẵng thì tổng giá trị nhà và đất với số tiền là 950.400.000đ (Chín trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 786.480.000đ và công trình xây dựng là 163.920.000đ.

Anh S thống nhất với việc Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng chỉ định đơn vị thẩm định giá là Công ty thẩm định giá Đà Nẵng – Địa chỉ tại: 223 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và đồng ý với giá trị thẩm định giá nhà và đất với số tiền là 950.400.000đ (Chín trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 786.480.000đ và công trình xây dựng là 163.920.000đ

Nhà và đất trên anh S và chị H đã thế chấp cho Ngân hàng N – phòng giao dịch H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001 – LCL -2014 ngày 07/11/2014.

Anh S không thống nhất với việc chia tài sản chung theo yêu cầu của chị H mà anh đề nghị sau này khi con chung đủ tuổi trưởng thành sẽ tặng cho lại cho con chung.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo yêu cầu của chị h thì anh S có nguyện vọng được sử dụng nhà và đất tại địa chỉ nói trên và thối trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị H theo tỷ lệ là 30% giá trị nhà và đất với số tiền là 285.120.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) vì anh S cho rằng nguồn gốc nhà và đất nói trên là do cha mẹ anh S tên là Hoàng Công Ch và Nguyễn Thị D tặng cho vợ chồng anh theo hợp đồng tặng cho số 747 ngày 30/5/2013.

- Về nợ chung: Anh S thừa nhận hiện nay vợ chồng có nợ của Ngân hàng N – phòng giao dịch H tính đến ngày 14/8/2017 với số tiền là 82.326.000đ (Tám mươi hai triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng) theo hợp đồng tín dụng số 2001-LAV201501289 ngày 14/9/2015 giữa Ngân hàng N – phòng giao dịch H với anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H. Anh S đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật mỗi người phải trả 50% số nợ cho Ngân hàng với số tiền là 41.153.000đ (Bốn mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng y).

Đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh S có nợ vợ chồng anh số vàng là 5,4 cây vàng tương đương số tiền là 184.000.000đ chị H rút yêu cầu buộc bà D phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ trên và không đề nghị giải quyết trong vụ án này, anh S thống nhất với rút yêu cầu của chị H và cũng không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*** Tại công văn số 24/CV- HC ngày 02/6/2017 bà Lê Thị Thanh T giám đốc Ngân hàng N – phòng giao dịch H trình bày:**

Anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H với Ngân hàng N – phòng giao dịch H có ký hợp đồng tín dụng số 2001-LAV201501289 ngày 14/9/2015 để anh S và chị H vay số tiền là 130.000.000đ, đảm bảo khoản vay trên chị H và anh S có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001 – LCL - 2014 ngày 07/11/2014 để thế chấp nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 547537 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/6/2013 cho anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H. Số dư nợ được tính đến ngày 21/7/2017 với số tiền gốc là 84.493.000đ (Tám mươi tư triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Đến thời điểm hiện tại anh S và chị H vẫn trả nợ theo đúng phân kỳ, không có nợ quá hạn, Ngân hàng chỉ yêu cầu hộ vay trả nợ đúng hạn và chấp hành các cam kết trong hợp đồng tín dụng, khi khách hàng trả hết nợ vay thì sẽ xuất tài sản trả lại cho người vay. Về vấn đề ly hôn của chị H và anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo

quy định của pháp luật. Nếu anh Sơn và chị Hạnh đề phát sinh nợ xấu thì Ngân hàng sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật để khởi kiện ở vụ án khác.

* Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu tại địa phương nơi chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S chung sống thể hiện: Vợ chồng chị H và anh S sinh sống tại tổ 79 phường Hòa Cường N từ tháng 12/2012 cho đến nay, trong quá trình chung sống tại địa phương mâu thuẫn của chị H và anh S xảy ra trong nội bộ gia đình, không báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm được.

Về con chung chị H và anh S có một con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo T còn nhỏ đang sống với chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Địa phương không nắm được

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Hoàng Công S và đại diện Ngân hàng N – phòng giao dịch H đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do và Ngân hàng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự.

* Ngày 11/8/2017 chị Đặng Thị Thu H có đơn rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng chị số vàng là 5,4 cây tương đương 184.000.000đ, nên ngày 18/8/2017 Tòa án nhân dân quận Hải Châu ra thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Nguyễn Thị D và xác định bà Nguyễn Thị D không còn tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa lần thứ hai Ngân hàng N – phòng giao dịch H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

A. Về thủ tục tố tụng: Đại diện Ngân hàng N – phòng giao dịch H đã được Tòa án nhân dân quận Hải Châu - TP Đà Nẵng triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Thanh T là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thanh T.

B. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Thu H đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh S, HĐXX nhận thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh S vì chị cho rằng vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, anh S không có trách nhiệm với gia đình, hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ hơn năm nay, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm.

Về phía anh S cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh cũng thống nhất thuận tình ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn của gia đình chị H và anh S thì địa phương không nắm được chỉ là những mâu thuẫn trong nội bộ gia đình.

Do vậy HĐXX thấy cần chấp nhận việc thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S có một con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/02/2013. Chị H và anh S thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên và anh S cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi..

Xét yêu về nuôi con chung và cấp dưỡng của chị H và anh S HĐXX thấy con chung còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, hiện nay đang chung sống cùng với chị H, và chị H anh S thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và nhằm đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung nên cần chấp nhận là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh S đều xác nhận nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 950.400.000đ đã được Sở Tài nguyên và mô trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 547537 ngày 27/6/2013 cho anh Hoàng Công S và chị Đặng

Thị Thu H nên đây là khối tài sản chung hợp nhất của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết các bên đương sự không thống nhất vấn đề chia tài sản chung cả chị H và anh S đều đề nghị được nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà nói trên, chị H sẽ thối trả phần chênh lệch tài sản cho anh S theo tỷ lệ là 50/50, anh S thối trả phần chênh lệch tài sản cho chị H theo tỷ lệ anh S 70 chị H 30.

HĐXX thấy anh S đang công tác ở Công an phòng cháy chửa cháy tại thành phố V tỉnh B từ năm 2015, anh S có việc làm với tính chất công việc lâu dài và có thu nhập ổn định, hiện nay anh S được đơn vị sắp xếp cho nhà ở tập thể tại nơi công tác, vì lý do công việc nên vài tháng anh S mới được về thăm nhà tại Đà Nẵng một lần và chỉ được nghỉ thời gian nhiều nhất là 05 ngày. Chị H đang công tác ở Trung tâm y tế quận S, thành phố Đà Nẵng và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ và cũng đang sinh sống tại nhà và đất ở địa chỉ trên từ năm 2012 cho đến nay, xét nhu cầu về nhà ở đối với chị H là cần thiết và bức bách hơn đối với anh S, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo chỗ ở ổn định cho chị H để chị H chăm sóc và nuôi dưỡng con chung được tốt hơn. HĐXX thấy cần giao nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho chị Đặng Thị Thu H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc thối trả phần chênh lệch tài sản: HĐXX thấy nguồn gốc hình thành tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là do cha mẹ của anh S ông Hoàng Công Ch và bà Nguyễn Thị D tặng cho anh S và chị H theo hợp đồng tặng cho số 747 ngày 30/5/2013. Do vậy cần xem xét đến công sức đóng góp của các bên đương sự trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, nên HĐXX thấy khi giao nhà và đất nói trên cho chị Đặng Thị Thu H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà thì chị Đặng Thị Thu H phải có trách nhiệm thối trả phần giá trị chênh lệch tài sản cho anh Hoàng Công S theo tỷ lệ chị H 40 anh S 60, nên anh S được nhận từ chị H với số tiền là 570.240.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) là có cơ phù hợp với quy định tại các khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. **Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Công S xác định hiện nay vợ chồng có nợ của Ngân hàng N – phòng giao dịch H tính đến ngày 14/8/2017 với số tiền là 82.326.000đ (Tám mươi hai triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng) theo hợp đồng tín dụng số 2001-LAV201501289 ngày 14/9/2015. Để đảm bảo khoản vay trên chị H và anh S có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2001 – LCL -2014 ngày 07/11/2014 để thế chấp toàn bộ nhà và đất trên cho Ngân hàng N – phòng giao dịch H.

Tại phiên tòa chị H và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết phần nợ đối với Ngân hàng N – phòng giao dịch H.

Ngân hàng xác định đến thời điểm hiện tại anh S và chị H vẫn trả nợ theo đúng phân kỳ, không có nợ quá hạn. Về vấn đề ly hôn của chị H và anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh S và chị H đề phát sinh nợ xấu thì Ngân hàng sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật để khởi kiện ở vụ án khác. Tại phiên tòa chị H và anh S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nợ đối với Ngân hàng N – phòng giao dịch H. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh S có nợ vợ chồng chị số vàng là 5,4 cây tương đương số tiền là 184.000.000đ chị H rút yêu cầu đối với bà D và tại phiên tòa anh Hoàng Công S cũng không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nên HĐXX sẽ đình chỉ yêu cầu của chị Đặng Thị Thu Hạnh đối với bà Nguyễn Thị D về việc đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho chị H anh S số vàng là 5,4 cây tương đương 184.000.000đ.

[**5**] Chi phí thẩm định giá theo yêu cầu của chị Hạnh với số tiền là 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm ngàn). Chị H đã nộp và chi xong.

Xét yêu cầu thẩm định giá của chị Hạnh là có căn cứ, kết quả thẩm định giá được Tòa án dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án nên mỗi bên đương sự phải chịu theo tỷ lệ tài sản mà các bên đương sự được hưởng. Do vậy anh S phải chịu chi phí thẩm định giá 4.260.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), nên anh S phải thối trả cho chị H số tiền là 4.260.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Thu H về việc ly hôn với anh Hoàng Công S; giao con chung tên Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/2/2013 cho chị Hanh trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho chị H được sử dụng và sở hữu, chị H thối trả chênh lệch tài sản cho anh S theo tỷ lệ chị H 40 anh S 60, về nợ chung Ngân hàng N – phòng giao dịch H không đề nghị giải quyết trong vụ án này nên không đề cập đến, về nợ của bà D đối với chị H và anh S chị H đã rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này của chị H. Về chi phí thẩm định giá các bên đương sự phải chịu theo tỷ lệ tài sản mà các bên được hưởng.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí chia tài sản chung chị H phải chịu là 19.008.000đ (Mười chín triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng).

Án phí chia tài sản chung anh S phải chịu là 26.809.600đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ chín ngàn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung" của chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S như sau: Giao con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/12/2013 cho chị H được trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên.

Anh Hoàng Công S phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng trên tháng) thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Xử

Giao cho chị Đặng Thị Thu H được toàn quyền sở hữu và sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 195 tờ bản dồ số 15 địa chỉ tổ 29 (cũ) mới là tổ 79 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 547537 ngày 27/6/2013 cho anh Hoàng Công S và chị Đặng Thị Thu H.

Chị Đặng Thị Thu H có quyền và trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu và sử dụng riêng biệt đối với nhà và đất nói trên.

Chị Đặng Thị Thu H phải thối trả phần chênh lệch giá trị tài sản cho anh Hoàng Công S với số tiền là 570.240.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

4. Về nợ chung: Chị Đặng Thị Thu H, anh Hoàng Công S và Ngân hàng N – phòng giao dịch H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Đình chỉ yêu cầu của chị Đặng Thị Thu H đối với bà Nguyễn Thị D về việc buộc bà D phải trả số tiền nợ là 5,4 vàng tương đương số tiền là 184.000.000đ (Một trăm tám mươi tư ngàn đồng) cho chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S.

6. Về chi phí thẩm định giá: Anh Hoàng Công S phải thối trả chênh lệch về chi phí thẩm định giá cho chị Đặng Thị Thu H số tiền là 4.260.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người bị thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Đặng Thị Thu H phải chịu là 19.308.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng), bao gồm án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ và án phí chia tài sản chung là 19.008.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 7.800.000đ tại biên lai thu số 009414 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 11.508.000đ (Mười một triệu năm trăm lẻ tám ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm anh Hoàng Công S phải chịu là 27.109.600đ (Hai mươi bảy triệu một trăm lẻ chín ngàn sáu trăm đồng) bao gồm án phí cấp dưỡng là 300.000đ, án phí chia tài sản chung là 26.809.600đ.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị Đặng Thị Thu H và anh Hoàng Công S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngân hàng N – phòng giao dịch H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châ;*
- *Chi cụ THADS q.Hải Châu*
- *Ủy ban nhân dân phường A, quận S; TP Đà Nẵng*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Thị Thu Ba